

**TAND HUYỆN L  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 104/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2018

V/v: Ly hôn giữa chị M và anh P

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

**Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Văn Nâu.**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

**Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:** Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2018, tại trụ sở TAND huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2018, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST-DS ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

**Bị đơn:** Anh Trần Văn P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19/3/2009, và các lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Trần Văn P kết hôn ngày 08/4/2009, tại UBND xã S, huyện L. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau trên cơ sở hợp pháp. Sau lễ cưới chị có về gia đình anh P làm dâu. Vợ chồng có hai con chung. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và làm kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và thương yêu nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Xuân Anh, sinh ngày 15/12/2009 và Trần Tuấn Hùng, sinh ngày 31/01/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con vẫn ở với chị. Nay ly

hôn, nguyện vọng của chị là xin được nuôi cả hai con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh P phải thực hiện.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác vợ chồng không có gì vướng mắc nên chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M, vắng mặt.

Anh Trần Văn P là bị đơn trình bày, thống nhất với ý kiến của chị Nguyễn Thị M về việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Xuân Anh, sinh ngày 15/12/2009 và Trần Tuấn Hùng, sinh ngày 31/01/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con vẫn ở với chị M. Nay ly hôn, nguyện vọng của chị là xin được nuôi cả hai con, quan điểm của anh là đồng ý. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác vợ chồng không có gì vướng mắc nên anh cũng không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Văn P, vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ xử: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Văn P; về con chung, giao chị Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi hai con chung là Trần Thị Xuân Anh, sinh ngày 15/12/2009 và Trần Tuấn Hùng, sinh ngày 31/01/2015. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn anh Trần Văn P được quyền thăm non con chung theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Ngày 10/8//2018, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự để mở phiên tòa xét xử vào 07 giờ 30' ngày 30/8/2018 theo đúng quy định của pháp luật. Do anh Trần Văn P vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định mở phiên tòa xét xử lần hai vào 07h 30' ngày 28/9/2018. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng anh Trần Văn P vẫn vắng mặt, còn chị Nguyễn Thị M vì công việc bận nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. **Về nội dung vụ án:** Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn P kết hôn ngày 08/4/2009, tại UBND xã S, huyện L. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau trên cơ sở hợp pháp. Sau lễ cưới chị

có về gia đình anh P làm dâu. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và làm kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và thương yêu nhau nữa. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng chị M và anh P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nguyện vọng xin được ly hôn của chị M là chính đáng và được anh P đồng ý ly hôn phù hợp với quy định Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được HĐXX xem xét, chấp nhận.

[3]. **Về quan hệ nuôi con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Xuân Anh, sinh ngày 15/12/2009 và Trần Tuấn Hùng, sinh ngày 31/01/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con vẫn ở với chị. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi hai con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

HĐXX xét thấy, để ổn định việc học tập, sinh hoạt và không bị xáo trộn về mặt tâm lý của con, cần giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị M không yêu anh P phải thực hiện nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn P được quyền thăm non con chung theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. **Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:** Vợ chồng không có gì vướng mắc nên các đương sự không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của BLTTDS, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. **Về án phí và quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Văn P.

**2. Về quan hệ nuôi con chung** Giao chị Nguyễn Thị M được quyền tiếp tục nuôi hai con chung là Trần Thị Xuân Anh, sinh ngày 15/12/2009 và Trần Tuấn Hùng, sinh ngày 31/01/2015. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn P được quyền thăm non con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí, chị M đã nộp theo biên lai thu số 0003201 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Nâu**